

Bản án số: **30/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 14/4/2023

V/v: “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Sô Phép

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Tiến

Bà Đoàn Thị Liễu

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố
Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia
phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên
Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục chung vụ án thụ lý số: 294/2022/TLST-
HNGĐ, ngày 09 tháng 8 năm 2022, về việc “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi
ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13
tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Minh T, sinh năm: 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà A3 Lô 15, đường T, khu phố G, phường Q, thành phố R, tỉnh
Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Phan Thị Thúy H, sinh năm: 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà A3 Lô 15, đường T, khu phố G, phường Q, thành phố R, tỉnh
Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 13/7/2022 và các lời khai trong quá trình
giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Nguyễn Minh T trình
bày: Tôi và chị H tự quen biết, hai bên tìm hiểu nhau tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ
cưới vào năm 2007, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được UBND

phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/7/2009. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình chị H, đến năm 2009 thì tại số A3 Lô 15, đường T, khu phố G, phường Q, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên nhân xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cách sống, do chị H chơi số đề, nợ nần, anh T đã khuyên can chị H nhiều lần và chị H đã tự bỏ nhà đi anh T không biết nguyên nhân gì, từ năm 2017 đến nay không có tin tức; mặc dù anh T đã tìm mọi cách liên lạc tìm kiếm với người nhà chị H nhưng vẫn không tìm được và đã sống ly thân từ cuối năm 2017. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên tôi làm đơn xin ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh T xác định có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 22/02/2012, hiện con đang sống với tôi. Anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Phan Thị Thúy H đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà cho chị Phan Thị Thúy H theo đúng trình tự do Bộ luật tố tụng dân sự quy định, nhưng chị H không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án theo thủ tục sơ thẩm đến thời điểm này về cơ bản Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn Minh T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung với bà Phan Thị Thúy H, đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phan Thị Thúy H là bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn thành phố Rạch Giá nên Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về xác định tư cách người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã xác định đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của các đương sự theo quy định tại Điều 69 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về xác minh thu thập chứng cứ được thực hiện đúng quy định tại Điều 96, 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về trình tự thụ lý vụ án, thông báo về việc thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về chấp hành thời hạn gửi, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự tham gia tố tụng đúng quy định tại các Điều 170, 171, 172, 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án được quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự

Về quan hệ hôn nhân: vợ chồng anh T, chị H đã sống ly thân với nhau trong một thời gian dài nên tình cảm vợ chồng đã không còn, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T với chị H.

Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Như Q đang sống cùng anh T, cháu Quỳnh cũng có nguyện vọng muốn sống cùng với anh T khi anh T với chị H ly hôn. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con của anh T.

Về tài sản chung: Anh T sẽ tự thỏa thuận với chị H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ vào các Điều 91, 94, 95 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 51, 56, 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của anh Nguyễn Minh T với chị Phan Thị Thúy H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Minh T khởi kiện yêu cầu “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” với chị Phan Thị Thúy H. Do đó đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn chị Phan Thị Thúy H vắng mặt không rõ lý do và anh T đồng ý xét xử vắng mặt chị H. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H.

Đối với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án nhận thấy vụ án cần có thời gian điều tra, xác minh nên kéo dài thời gian, vi phạm thời hạn xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H tự quen biết nhau và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/7/2009 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng anh T và chị H không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cách sống, chị H chơi số đề gây nợ nần, anh T đã khuyên can chị H nhiều lần và chị H đã tự bỏ nhà đi anh T không biết nguyên nhân gì, từ năm 2017 đến nay không có tin tức; mặc dù anh T đã tìm mọi cách liên lạc tìm kiếm với người nhà chị H nhưng vẫn không tìm được và vợ chồng đã sống ly thân. Hơn nữa, chị Phan Thị Thúy H đã bị Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá ban hành Quyết định số 01/2022/QĐDS-ST ngày 17/6/2022 về việc thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị H là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị H.

[3] Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Minh T xác định có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 22/02/2012, hiện con đang sống với anh T. Anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy từ khi anh T, chị H sống ly thân, con chung do anh T nuôi dưỡng. Tại bản trình bày nguyện vọng ngày 06/3/2023 cháu Như Q có nguyện vọng muốn sống chung với cha là anh T, nếu cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao người con chung tên Nguyễn Thị Như Q cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng và anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Chị Phan Thị Thúy H không có ý kiến trình bày tại Tòa án về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này chị H có tranh chấp về các vấn đề trên thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá về quan điểm giải quyết vụ án.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Minh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Minh T được ly hôn với chị Phan Thị Thúy H.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 22/02/2012 cho anh Nguyễn Minh T chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phan Thị Thúy H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Anh T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Minh T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, anh T được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000223 ngày 05/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THẠCH SÔ PHÉP